UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH TƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/KH-UBND	*Vĩnh Tường, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số ngành Giáo dục & Đào tạo năm 2026
của UBND xã Vĩnh Tường

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại đơn vị

1.1. Công tác tham mưu, xây dựng, ban hành các văn bản

UBND xã Vĩnh Tường đã phối hợp với với Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an xã để xây dựng Kế hoạch, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn, đồng thời ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ đối với các phòng thuộc xã, các cơ sở giáo dục để triển khai có hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số, cụ thể như: Kế hoạch số 1218/KH-UBND ngày 14/10/2025 của UBND xã Vĩnh Tường về việc Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) và thống kê giáo dục năm học 2025-2026; Kế hoạch số 944/KH-UBND ngày 24/09/2025 của UBND xã về Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày hội đổi mới sáng tạo Quốc gia (01/10); Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) năm 2025 trên địa bàn xã Vĩnh Tường. Kế hoạch 1381/KH-UBND ngày 29/10/2025 của UBND xã về cải thiện nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI ngành giáo dục và đào tạo năm 2025; Công văn 1190/UBND-VHXH ngày 13/10/2025 về việc tham gia ngày hội "Nhà giáo sáng tạo với công nghệ số và trí tuệ nhân tạo"; Kế hoạch số 1241/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND xã về triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn xã Vĩnh Tường; Văn bản số 50/VHXH ngày 01/10/2025 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Tường về việc tập huấn sử dụng bộ tài liệu Trí tuệ nhân tạo từ lớp 1 đến lớp 9. Văn bản số 44/VHXH ngày 23/09/2025 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Tường về việc Tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2025. Căn cứ các văn bản chỉ đạo của cấp trên, các cơ sở giáo dục trên địa bàn đã xây dựng và triển khai các Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

1.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Ngay sau hợp nhất tỉnh, UBND xã chỉ đạo tham gia tập huấn đầy đủ đối với cán bộ quản lí, giáo viên phụ trách chuyển đổi số của 19 cơ sở giáo dục và cán bộ quản lí trên địa bàn xã triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành và hướng dẫn chuẩn hoá, đồng bộ, khai thác cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

UBND xã thực hiện triển khai các nền tảng và hệ sinh thái giáo dục thông minh trong trường học phục vụ công tác quản lý, tổ chức dạy-học trên nền tảng số, xây dựng kho học liệu số dùng chung, bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số và kiến thức, kĩ năng về trí tuệ nhân tạo AI trong dạy và học.

UBND xã rà soát, báo cáo kiểm tra công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026 nhằm đánh giá, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu về chuyển đổi số.

2. Hạ tầng số

2.1. Hiện trạng hạ tầng

100% đơn vị có kết nối Internet, đa số các trường đã đầu tư hệ thống mạng LAN, Wifi nội bộ; hầu hết các cơ sở giáo dục đều được trang bị máy tính, máy in, hệ thống âm thanh, camera…Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ giữa các cơ sở giáo dục, thiếu thiết bị đầu cuối cho giáo viên, học sinh.

Hiện nay, 100% cơ sở giáo dục đã kết nối phần mềm quản lý trường học và có nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu ngành. Do nguồn lực đầu tư hạn chế, cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành GD&ĐT đang triển khai thí điểm và được doanh nghiệp hỗ trợ vận hành, dẫn đến thiếu tính chủ động trong công tác quản lý và khai thác dữ liệu.

2.2. Trang thiết bị công nghệ thông tin tại đơn vị

Hiện nay nhiều đơn vị trường học chưa có phòng máy tính đủ tiêu chuẩn, thiếu thiết bị dạy học số; thiết bị hỏng hóc nhưng chưa được thay thế kịp thời, nhiều trường học chưa có phòng học thông minh, thiết bị công nghệ phục vụ dạy-học số, giáo viên vẫn dạy theo phương pháp truyền thống,…

Tỷ lệ các phòng học lý thuyết được trang bị thiết bị phục vụ chuyển đổi số được thống kê như sau:

STT	Cấp học	Tỷ lệ Phòng học lý thuyết được trang bị		
		Máy tính	Tivi hoặc máy chiếu	Bảng thông minh
1	Các trường Mầm non	50,55%	94,51%	5,49%
2	Các trường Tiểu học	17,92%	92,45%	8,49%
3	Các trường TH&THCS; THCS	37,81%	77,31%	22,68%

Tỷ lệ bình quân toàn xã	**35,42%**	**88,09%**	**12,22%**

Nhiều phòng học lý thuyết được trang bị tivi hoặc máy chiếu nhưng đa số thiết bị đã cũ, cấu hình thấp, chưa đáp ứng yêu cầu, khó khăn trong việc cài đặt phần mềm bản quyền chuyên dụng phục vụ giảng dạy, học tập và chuyển đổi số.

2.3. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính

Công chức cơ quan UBND xã đều được được trang bị máy tính để bàn. Tuy nhiên đa số là máy tính được trang bị đã xuống cấp, những năm gần đây việc mua máy tính mới thực hiện theo quy trình mua sắm tập trung cho nên việc thay thế máy tính cũ bằng máy tính mới mất rất nhiều thời gian ảnh hưởng không ít đến chất lượng công việc của cán bộ công chức.

Đa số các nhà trường trang bị máy tính để bàn cho cán bộ quản lý, các phòng, tổ chuyên môn trong nhà trường và đa số là máy tính được trang bị đã xuống cấp. Mặt khác đa số viên chức của các nhà trường làm công tác giảng dạy do đó máy tính để bàn đa phần chưa phù hợp với nhu cầu công việc.

2.4. Công tác bảo đảm an toàn thông tin

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã đã bước đầu quan tâm triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Một số các đơn vị đã cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền cho máy tính; thiết lập mật khẩu truy cập cho mạng nội bộ (LAN), hệ thống Wifi và các tài khoản quản trị.

UBND xã phối hợp với Công an xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, cảnh báo về nguy cơ mất an toàn thông tin.

Các phần mềm dùng chung của ngành GD&ĐT như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, phần mềm quản trị nhà trường, kho học liệu số, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử... đều được triển khai trên hạ tầng máy chủ đặt tại Trung tâm dữ liệu, bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, được phân quyền truy cập và sao lưu dữ liệu định kỳ.

Tuy nhiên, công tác bảo đảm an ninh an toàn thông tin vẫn còn một số tồn tại: một số trường chưa có cán bộ chuyên trách chủ yếu kiêm nghiệm; việc cập nhật phần mềm bảo mật, hệ điều hành còn chậm; chưa đồng bộ giải pháp giám sát an toàn thông tin toàn ngành.

3. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, CSDL

Đã thực hiện kết nối CSDL ngành GD&ĐT tỉnh Phú Thọ tại địa chỉ https://csdl.phutho.edu.vn với hệ thống quản lý trường học (hệ thống SMAS, VnEdu 4.0...) với CSDL quốc gia về dân cư, CSDL ngành GD&ĐT (csdl.moet.gov.vn) do Bộ GD&ĐT triển khai; kết nối với CSDL phục vụ thí điểm tuyển sinh đầu cấp (đối với thi tuyển sinh vào lớp 1, 6, 10) ngành GD&ĐT.

Đang thực hiện việc kết nối CSDL phục vụ thí điểm Học bạ số đối với khối Tiểu học và trung học trên địa bàn toàn xã (hệ thống SMAS, VnEdu 4.0...; hệ thống Học bạ số) từ năm học 2023-2024.

Hàng năm tham gia tập huấn, rà soát dữ liệu trên các hệ thống, các đơn vị nhà trường thực hiện rà soát, kiểm tra dữ liệu và trên các hệ thống cho năm học chuẩn bị cho các kỳ báo cáo giữa kỳ và cuối năm học.

Đã thực hiện xác thực dữ liệu học sinh và giáo viên với CSDL quốc gia về dân cư, kết quả làm sạch dữ liệu mang lại hiệu quả trong việc: Đăng ký tuyển sinh đầu cấp đối với kỳ tuyển sinh vào lớp 1, 6, 10; triển khai thí điểm Học bạ số cấp tiểu học, trung học phổ thông trên địa bàn xã.

Tổng hợp, rà soát dữ liệu trên phần mềm quản lý trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên nền tảng CSDL ngành giáo dục tại địa chỉ https://csdl.phutho.edu.vn đã triển khai cho các kỳ báo cáo số liệu cuối năm học.

4. Công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

Đa số cán bộ, giáo viên đã có khả năng sử dụng máy tính, Internet, phần mềm dạy học trực tuyến và các công cụ hỗ trợ giảng dạy, kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) chưa đồng đều ở các cấp học.

Từ tháng 8/2025, UBND xã chỉ đạo tham gia đầy đủ Hội nghị tập huấn quản lý, sử dụng và khai thác thông tin CSDL ngành GD&ĐT cho 100% cơ sở giáo dục và cán bộ phòng Văn hóa - Xã hội của xã. Hoạt động này giúp các cơ sở giáo dục chủ động vận hành, khai thác và sử dụng CSDL ngành trước khi bước vào năm học mới, tham gia tập huấn, bồi dưỡng về phát triển năng lực số, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạ tầng số, nền tảng số

Chưa có cơ chế quản lý, thống kê, giám sát việc CB, GV, học sinh tham gia khóa học AI tại địa chỉ: https://aicongdong.ptit.edu.vn; nền tảng "Bình dân học vụ số" tại địa chỉ: https://binhdanhocvuso.gov.vn, gây khó khăn trong công tác đôn đốc, đánh giá và chấm điểm chuyển đổi số của các cá nhân và cơ sở giáo dục.

Một số các trường học thiết bị còn thiếu và chưa đồng bộ, việc khai thác CNTT trong giảng dạy, học tập còn hạn chế.

2. Nguồn nhân lực chuyển đổi số

Thiếu cán bộ chuyên trách về Chuyển đổi số, đa số các giáo viên, nhân viên phải kiêm nghiệm.

Công tác bồi dưỡng Năng lực số cho Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên, Học sinh chưa chủ động và quan tâm đúng mức.

Năng lực ứng dụng CNTT chưa đồng đều ở các cấp học.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị có cơ chế quản lý, thống kê, giám sát việc CB, GV, học sinh tham gia khóa học AI tại địa chỉ: https://aicongdong.ptit.edu.vn; nền tảng "Bình dân

học vụ số" tại địa chỉ: https://binhdanhocvuso.gov.vn, để thuận tiện trong công tác đôn đốc, đánh giá và chấm điểm chuyển đổi số của các cá nhân và cơ sở giáo dục.

- Cấp email công vụ và chữ ký số cho 100% CBQL, GV.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng, phần mềm, thiết bị; đảm bảo kinh phí bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025; Kế hoạch truyền thông số 03-KH/BCĐTW ngày 28/7/2025; Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025;

- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 01-KHHĐ/BCĐ ngày 22/7/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ; Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai Phong trào "*Bình dân học vụ số*" trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Kế hoạch số 3772/KHUBND ngày 05/9/2025 về việc triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Kế hoạch của UBND tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 1322/QĐUBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Phú Thọ, phiên bản 4.0;

- Kế hoạch số 39/KH-BCĐ của BCĐ về việc Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành GD&ĐT năm học 2025-2026 (sau đây gọi là Kế hoạch số 39/KH-BCĐ);

- Kế hoạch số 58/KH-SGD&ĐT ngày 03/11/2025 của Sở Giáo dục & Đào tạo về Chuyển đổi số năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Kế hoạch số 1218/KH-UBND ngày 14/10/2025 của UBND xã Vĩnh Tường về việc Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) và thống kê giáo dục năm học 2025-2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số ngành GD&ĐT trên địa bàn xã bảo đảm mục tiêu kép: Vừa ứng dụng thành quả của cách mạng công nghệ lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo (AI) để thay đổi hình thức hoạt động quản lý, quản trị và dạy học thích ứng, tiên tiến và

hiệu quả; vừa giáo dục, đào tạo nâng cao chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học và đội ngũ nhà giáo ở tất cả các cấp học góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện phát triển bền vững kinh tế, xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

Gồm có 03 nhóm mục tiêu chính *(chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ thường xuyên

Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ: (1) Tập trung tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, quyết tâm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai sâu rộng "Phong trào 'Bình dân học vụ số', 'Học tập số' trong toàn ngành GD&ĐT"; (2) Tiếp tục phổ cập và nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số và an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, giáo viên, học sinh, sinh viên; đẩy mạnh các phong trào nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; (3) Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động số 02- CTr/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01-KHHĐ/BCĐ ngày 22/7/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành: (1) Tham mưu các nghị quyết của HĐND xã, kế hoạch của UBND xã về chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục; ***(2)*** Ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của xã về: Danh mục các nhiệm vụ, dự án trọng điểm, cốt lõi và dự kiến nguồn lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; các quy định, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện công tác quản lí, quản trị nhà trường và tổ chức giảng dạy trên nền tảng số.

2.2. Về hạ tầng số và hệ sinh thái giáo dục thông minh: (1) Tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, học liệu số phục vụ công tác quản trị các cơ sở GD&ĐT trong xã; ***(2)*** Triển khai có hiệu quả hệ sinh thái giáo dục thông minh trong quản lí, quản trị nhà trường và tổ chức dạy - học trên môi trường số.

2.3. Phát triển nguồn nhân lực số: Bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn thông tin cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người lao động và người học trong các cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở GD&ĐT trên địa bàn xã. *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Căn cứ nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp với các phòng liên quan tham mưu cụ thể hóa nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và phát triển

kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng Kế hoạch, Đề án hoặc Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực GD&ĐT để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn.

- Có các giải pháp lồng ghép thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Các trường học trực thuộc xã

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 phù hợp với đơn vị, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị, đồng thời bồi dưỡng, phân công cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại đơn vị.

- Căn cứ Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số, Bộ tiêu chí thi đua lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm 2026 để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và tự đánh giá.

3. Trung tâm Văn hóa – Thể thao

Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh về vai trò của Chương trình chuyển đổi số trong các hoạt động của đơn vị.

4. Phòng Kinh tế xã

Tham mưu UBND xã, hướng dẫn các trường học sử dụng ngân sách trong thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 ngành GD&ĐT, UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để phối hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Phòng VH-XH;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm VH-TT;
- Các trường học trực thuộc;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH TƯỜNG

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 47 ngày 30/01/2025 của UBND xã Vĩnh Tường)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Phòng, đơn vị chủ trì	Phòng, đơn vị phối hợp	Văn bản phê duyệt chủ trương thực hiện của cấp có thẩm quyền	Mục tiêu, quy mô, kết quả	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí để triển khai (nếu có) (Đơn vị tính: Triệu đồng)	
							Nguồn chi thường xuyên	Nguồn đầu tư công
I	**Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành**							
1	Tham mưu, ban hành Kế hoạch, cụ thể hóa nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng Kế hoạch, Đề án hoặc Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực GD&ĐT để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn	- Phòng VH-XH.	- Các trường học trực thuộc.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	Thường xuyên			
2	Ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn các cơ sở giáo dục làm căn cứ để thực hiện công tác quản lí, quản trị nhà trường và tổ chức giảng dạy trên nền tảng số	- Các phòng chuyên môn thuộc xã; - Phòng VH-XH.	- Các trường học trực thuộc.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	Thường xuyên			

3	Tham mưu đầu tư, phân bổ kinh phí dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CĐS theo quy định	- Phòng Kinh tế;	- Phòng VH-XH; Các trường học trực thuộc.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	Bảo đảm 100% kinh phí theo quy định			
4	Cơ sở thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số hằng năm theo Bộ chỉ số của Bộ GD&ĐT.	- Các trường học trực thuộc.	- Các phòng thuộc xã; - Phòng VH-XH;	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		
II	**Hạ tầng số, nền tảng số, quản trị và tổ chức dạy - học trên môi trường số**							
1	***Hạ tầng số***							
1.1	Đường truyền, băng thông mạng Internet đáp ứng nhu cầu sử dụng trong trường học.	- Các trường học trực thuộc.	- ĐV viễn thông.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	81	
1.2	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học và kết nối Internet trên tổng số phòng học lý thuyết.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH; - Phòng Kinh tế.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	≥ 50%	Năm 2026		270
1.3	Thử nghiệm mô hình lớp học thông minh, trường học số (THS).	- Các trường học trực thuộc liên quan.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	Khảo sát, đánh giá	Năm 2026		40
2	***Nền tảng số***							
2.1	Thử nghiệm xây dựng, chuẩn hóa CSDL các CS GD&ĐT và CSDL ngành GD&ĐT Phú Thọ trên nền tảng thống nhất, kết nối, chia sẻ dữ liệu liên	- Phòng VH – XH; - Các trường học trực thuộc.	- ĐV viễn thông.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		

	thông từ Bộ GD&ĐT đến địa phương và từng CSGD&ĐT.							
2.2	Hoàn thành CSDL các CS GD&ĐT "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" bảo đảm cung cấp thông tin quản lý thống nhất, đầy đủ, tin cậy và kịp thời, kết nối và chia sẻ hiệu quả với các CSDL tỉnh Phú Thọ và quốc gia.	- Phòng VH-XH; - Các trường học trực thuộc.	- ĐV viễn thông.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Thường xuyên		
2.3	Phối hợp triển khai Hệ thống đăng nhập một cửa SSO và trục tích hợp dữ liệu LGSP Ngành Giáo dục, tích hợp đăng nhập qua Vneid	- Phòng VH-XH; Các trường học trực thuộc.	- ĐV Viễn thông.	Mô hình 31 đề án 06	100%	Năm 2026	55	
2.4	Thư viện số, kho học liệu số và ngân hàng câu hỏi trực tuyến tại các CS GD&ĐT.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH; - ĐV viễn thông.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	≥ 50%	Năm 2026	70	
2.5	Bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin trong toàn ngành được tuân thủ hiệu quả	- Các trường học trực thuộc.	- Công an xã. - Văn phòng HĐND&UBND.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Thường xuyên		
a)	Phần mềm bảo mật cho các máy tính sử dụng tại cơ quan, đơn vị	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	55	
b)	Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin.	- Phòng VH-XH;	- Các trường học trực thuộc.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		
c)	Các hệ thống thông tin của đơn vị được phê duyệt cấp độ và triển khai phương	Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH;	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		

	án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đúng với quy định hiện hành		- Văn phòng HĐND&UBND xã;					
3	***Quản trị số***							
3.1	Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu dùng chung và công nghệ số	- Phòng VH-XH.	- Các trường học trực thuộc.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Tháng 1, năm 2026	70	
3.2	Quản lý bằng hồ sơ số cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	80%	Năm 2026	70	
3.3	Học sinh, học viên, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với mã số định danh duy nhất và thống nhất toàn quốc.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		
3.4	Sử dụng hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (i-office) để trao đổi, xử lý công việc trên môi trường mạng	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	40	
3.5	Hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		
3.6	Cơ sở GD&ĐT xây dựng lộ trình sử dụng hồ sơ điện tử giáo dục đáp ứng theo chuẩn kết nối và chuẩn dữ liệu của Bộ GD&ĐT	- Các trường học trực thuộc..	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		

3.7	Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ số	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	70	
3.8	Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng chữ ký số trong các hoạt động quản lý và dạy học (khi được phân quyền)	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		
3.9	Đăng kí và xét tuyển sinh đầu cấp trực tuyến *(tuyển sinh Mầm non, vào lớp 1, vào lớp 6, vào lớp 10)*	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	55	
3.10	Tỉ lệ thanh toán không dùng tiền mặt	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH; - Ngân hàng khu vực 4.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	40	
3.11	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	80%	Năm 2026		
3.12	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	80%	Năm 2026	40	
3.13	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	95%	Năm 2026		
3.14	Thủ tục hành chính đủ điều kiện triển khai dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026		

3.15	Cổng Thông tin điện tử của Sở Giáo dục tỉnh Phú Thọ, của các cơ sở giáo dục có tính liên thông, kết nối với đơn vị chủ quản.	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	35	
3.16	Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, báo cáo định kỳ, báo cáo thông kê ngành thực hiện trên egov, csdl	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	100%	Năm 2026	40	
3.17	Rà soát có đầy đủ tài khoản email *.phutho.edu.vn cho các cơ sở giáo dục, CBQL, GV	- Các trường học trực thuộc.			100%	Năm 2026		
4	***Tổ chức dạy - học trên môi trường số***					Năm 2026		
4.1	Giáo viên xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử; sử dụng được các phần mềm, ứng dụng nền tảng số, trí tuệ nhân tạo AI đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá	- Các trường học trực thuộc.	- Sở GD&ĐT.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	Thường xuyên	Năm 2026		
4.2	Sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp - mô hình hybrid)	- Các trường học trực thuộc.	- Sở GD&ĐT..	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	≥ 50% học sinh sử dụng	Năm 2026		
4.3	Khảo sát triển khai thí điểm mô hình trường học số	- Phòng VH-XH. - Các trường học liên quan.		*Nghị Quyết 71*		Năm 2026		
III	**Phát triển nguồn lực chuyển đổi số**							

1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	≥ 60%	Năm 2026		
2	Bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số, an toàn thông tin cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan quản lý GD&ĐT và trường học trên địa bàn xã	- Các trường học trực thuộc; Phòng VH-XH.			100%	Năm 2026	35	
3	Tập huấn kiến thức ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho các bộ quản lý giáo viên, học sinh	- Các trường học trực thuộc; Phòng VH-XH.					20	
4	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người học trong độ tuổi trưởng thành của ngành GD&ĐT biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến, có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số,..	- Các trường học trực thuộc; Phòng VH-XH.			≥ 80%	Năm 2026		
5	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người học trong độ tuổi trưởng thành trong ngành giáo dục được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.	- Các trường học trực thuộc; Phòng VH-XH.			≥ 70%	Năm 2026		
6	Tích hợp nội dung giáo dục chuyển đổi số trong chương trình GD&ĐT	- Các trường học trực thuộc.	- Phòng VH-XH.	*Kế hoạch số:* 1218/KH-UBND	≥ 80%	Năm 2026		

7	Trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số cho học sinh phổ thông.	- Các trường học trực thuộc.	- Các phòng thuộc xã; - Phòng VH-XH.		100%	Năm 2026		